

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

Bản án số: **205/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/7/2022

“Về việc: *Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mạc Ngọc Day.

2. Ông Hoàng Văn Bốn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28/7/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18/4/2022 về việc “*Kiên tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-DS ngày 12/7/2022 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Bàn Thị D (tên gọi khác: Bàn Thị N), sinh năm 1995.

+ Bị đơn: Anh Triệu Văn K, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Thôn 5 M, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị D vắng mặt tại phiên tòa và có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và đã được niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Bàn Thị D (tên gọi khác: Bàn Thị N) trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Triệu Văn K được tự do tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Đến ngày 19/02/2014 chị và anh K mới đi đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Minh Hương, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc bình thường tại thôn 5 M, xã M, huyện H, tỉnh

Tuyên Quang đến đầu năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách giữa chị với anh K không hợp nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống và thường xuyên xảy ra to tiếng cãi chửi nhau, vợ chồng không ai quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Mâu thuẫn giữa chị và anh K đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không khắc phục được. Chị xác định không còn tình cảm với anh K, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị với anh K đã quá căng thẳng, trầm trọng, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Thực tế chị và anh K đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2021 đến nay, trong thời gian sống ly thân, chị và anh K không ai quan tâm hoặc điện thoại thăm hỏi gì đến nhau. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Văn K theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh Triệu Văn K có 02 người con chung là cháu Triệu Thị Ngọc Á, sinh ngày 04/6/2012 và cháu Triệu Long H, sinh ngày 08/9/2016. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Triệu Thị Ngọc Á; Chị nhất trí để anh K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Triệu Long H. Chị và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

- Về tài sản chung, đất đai chung: Chị và anh Triệu Văn K không có, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về công nợ chung: Chị và anh Triệu Văn K không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Tại phiên tòa chị Bàn Thị D vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị D xác định vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung và không yêu cầu Tòa án giải quyết bất cứ nội dung gì khác.

* Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Triệu Văn K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bàn Thị D được tự do tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Đến ngày 19/02/2014 anh và chị D mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Hương, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc bình thường tại nhà riêng ở thôn 5 M, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang đến đầu năm 2021 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách giữa anh và chị D không hợp nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống và thường xuyên xảy ra to tiếng cãi chửi nhau, anh có bắt gặp chị D nhắn tin tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng không tin tưởng yêu thương nhau và không ai quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa nhưng anh mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Nay chị D xin ly hôn anh không nhất trí.

- Về con chung: Quá trình chung sống, anh và chị D có 02 người con chung là cháu Triệu Thị Ngọc Á, sinh ngày 04/6/2012 và cháu Triệu Long H, sinh ngày

08/9/2016. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung đến khi trưởng thành. Anh không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản chung, đất đai chung: Anh và chị Bàn Thị D không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về công nợ chung: Anh và chị Bàn Thị D không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Toà án tiến hành lấy lời khai của cháu Triệu Thị Ngọc Á, sinh ngày 04/6/2012 (là con chung của chị Bàn Thị D và anh Triệu Văn K). Cháu Á trình bày khi bố mẹ cháu giải quyết ly hôn, cháu có nguyện vọng được trực tiếp ở cùng với mẹ cháu là Bàn Thị D. Cháu tự nguyện ở với mẹ cháu và không bị ai ép buộc gì.

Tại Biên bản xác minh với Trưởng thôn 5 M, xã M và UBND xã M, huyện H cung cấp thông tin như sau: Chị Bàn Thị D và anh Triệu Văn K kết hôn với nhau năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Hương, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh K thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng căng thẳng trầm trọng. Tuy nhiên do chị D và anh K chưa báo cáo thôn nên địa phương chưa tiến hành hòa giải, giải quyết lần nào. Quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài liệu, chứng cứ, các đương sự cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm:

- Nguyên đơn chị Bàn Thị D cung cấp cho Tòa án: 01 Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn; 01 Trích lục kết hôn (Bản sao); 01 Căn cước công dân của chị Duyên (Bản sao); 01 Sổ hộ khẩu (Bản sao chứng thực); 01 Trích lục khai sinh (Bản sao); 01 Trích lục thay đổi hộ tịch (Bản sao); 01 Đơn xin xác nhận (Bản gốc).

- Bị đơn anh Triệu Văn K cung cấp cho Tòa án: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác, thông báo anh Triệu Văn K đến Tòa án làm việc để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật. Tuy nhiên các lần thông báo của Tòa án anh K đều không đến làm việc, Tòa án không tiến hành hòa giải được cho các bên đương sự suy nghĩ lại tình cảm để quay về hàn gắn, đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định chung của pháp luật.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn chị Bàn Thị D chấp hành tốt các quy định pháp luật; Đối với bị đơn anh Triệu Văn K

đã được Tòa án gửi các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không đến Tòa án làm việc nên Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K theo quy định pháp luật. Như vậy anh K chưa chấp hành và chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bàn Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị D được ly hôn với anh Triệu Văn K;

- Về con chung: Giao cháu Triệu Thị Ngọc Á, sinh ngày 04/6/2012 cho chị Bàn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Giao cháu Triệu Long H, sinh ngày 08/9/2016 cho anh Triệu Văn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Bàn Thị D và anh Triệu Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

- Về án phí:

+ Chị Bàn Thị D phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

+ Anh Triệu Văn K không phải chịu tiền án phí.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Bàn Thị D có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Triệu Văn K nên xác định đây là vụ án “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn anh Triệu Văn K có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn 5 M, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của bị đơn anh Triệu Văn K tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã gửi hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác, thông báo anh Triệu Văn K đến Tòa án để tham gia xét xử vụ án

theo quy định pháp luật. Tuy nhiên các lần triệu tập của Tòa án anh K đều không đến, vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nêu trên. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Triệu Văn K theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị D và anh Triệu Văn K được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 19/02/2014 tại UBND xã Minh Hương, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị D và anh K là hợp pháp.

Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng thời gian đầu giữa chị D và anh K hạnh phúc, đến năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính cách giữa chị D và anh K không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống; do anh chị đều không có công ăn việc làm ổn định phải đi làm xa nhà nên vợ chồng không tin tưởng nhau, không ai quan tâm gì đến nhau dẫn đến vợ chồng không yêu thương, chăm sóc nhau. Thực tế chị D và anh K đã sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay không ai quan tâm chăm sóc gì đến nhau, không còn quan hệ vợ chồng với nhau nữa. Tuy anh K không nhất trí ly hôn nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị D và anh K thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, mặc dù vợ chồng thường xuyên đi làm ăn xa, thì thoảng mới về thăm nhà nhưng vợ chồng không quan tâm, yêu thương nhau. Anh K trình bày vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị D nhưng trên thực tế khi vợ chồng gặp nhau thì thường xuyên to tiếng cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Anh mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng cả hai anh chị đều không ai đưa ra biện pháp tích cực nào nhằm cải thiện quan hệ vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh chị đã rất căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần xử cho chị Bàn Thị D được ly hôn anh Triệu Văn K là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: Chị Bàn Thị D và anh Triệu Văn K có hai con chung là cháu Triệu Thị Ngọc Á, sinh ngày 04/6/2012 và cháu Triệu Long H, sinh ngày 08/9/2016. Ly hôn chị Bàn Thị D có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Triệu Thị Ngọc Á và chị nhất trí để anh K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Triệu Long H. Chị và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Tuy nhiên anh Triệu Văn K lại có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung đến khi trưởng thành và anh không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Căn cứ tình hình thực tế, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu Á và cháu H, qua xem xét ý kiến nguyện vọng của chị D và cháu Á. Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu Triệu Thị Ngọc Á cho chị Bàn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Giao cháu Triệu Long H cho anh Triệu Văn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Bàn Thị

D và anh Triệu Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản chung, đất đai chung: Chị Bàn Thị D và anh Triệu Văn K cùng xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về công nợ chung: Chị Bàn Thị D và anh Triệu Văn K cùng xác định không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí:

+ Chị Bàn Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

+ Anh Triệu Văn K không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bàn Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị D được ly hôn với anh Triệu Văn K.

2. Về con chung:

- Giao cháu Triệu Thị Ngọc Á, sinh ngày 04/6/2012 cho chị Bàn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục;

- Giao cháu Triệu Long H, sinh ngày 08/9/2016 cho anh Triệu Văn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Bàn Thị D và anh Triệu Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Bàn Thị D phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004741 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Chị Bàn Thị D đã nộp đủ tiền án phí.

- Anh Triệu Văn K không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bàn Thị D và anh Triệu Văn K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hàm Yên
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Minh Hương (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Tùng